

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
*Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành
một số điều của Luật Xuất bản*

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin,

NGHỊ ĐỊNH:

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản về chính sách đối với hoạt động xuất bản; nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan quản lý xuất bản các cấp; hoạt động của các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

Điều 2. Xuất bản phẩm

Xuất bản phẩm quy định tại Điều 4 Luật Xuất bản được thể hiện dưới các hình thức sau đây:

- Sách, kể cả sách cho người khiếm thị, sách điện tử.
- Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích; tờ rời, tờ gấp có nội dung quy định tại Điều 4 Luật Xuất bản.
- Lịch các loại dưới dạng xuất bản phẩm.
- Băng âm thanh, đĩa âm thanh, băng hình, đĩa hình của nhà xuất bản có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách.

Điều 3. Chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển sự nghiệp xuất bản

Chính sách của Nhà nước khuyến khích, hỗ trợ phát triển sự nghiệp xuất bản quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Xuất bản bao gồm:

- Ưu tiên đầu tư ứng dụng công nghệ - kỹ thuật tiên tiến trong lĩnh vực xuất bản; đầu tư cho cơ sở in phục vụ nhiệm vụ chính trị, quốc phòng, an ninh và cơ sở in trên địa bàn thuộc diện ưu tiên đầu tư của Nhà nước; xây dựng trung tâm sách tại các địa bàn, khu vực trọng điểm; xây dựng, nâng cấp mạng lưới phát hành sách tại các huyện thuộc địa bàn ưu tiên đầu tư của Nhà nước.
- Hỗ trợ kinh phí cho việc xây dựng, hoàn thiện giáo trình; đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước cho đội ngũ biên tập viên nhà xuất bản, kỹ sư công nghệ in, cán bộ quản lý của nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm.
- Hỗ trợ kinh phí cho việc tổ chức và tham gia triển lãm, hội chợ sách phục vụ nhiệm vụ chính trị, công tác thông tin đối ngoại ở trong và ngoài nước.
- Hỗ trợ kinh phí khen thưởng hàng năm đối với xuất bản phẩm có giá trị cao.

Điều 4. Chính sách đặt hàng, mua bản thảo, hỗ trợ mua bản quyền, trợ cước vận chuyển xuất bản phẩm

- Hàng năm, Bộ Văn hóa - Thông tin duyệt danh mục xuất bản phẩm thuộc diện đặt hàng, mua bản thảo và hỗ

trợ mua bản quyền đối với nhà xuất bản trung ương; Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) duyệt danh mục xuất bản phẩm thuộc diện đặt hàng, mua bản thảo và hỗ trợ mua bản quyền đối với nhà xuất bản địa phương quy định tại các khoản 2 và 3 Điều 6 Luật Xuất bản.

2. Việc trợ cước vận chuyển xuất bản phẩm đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, phục vụ đồng bào miền núi, hải đảo được tính theo khoảng cách từ nơi mua đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã.

3. Bộ Văn hóa - Thông tin duyệt danh mục xuất bản phẩm được trợ cước vận chuyển phục vụ công tác thông tin đối ngoại. Việc trợ cước được tính theo khoảng cách từ nơi gửi đến nơi nhận ở nước ngoài.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan ban hành các văn bản để thực hiện các chính sách tại khoản 2 Điều 28 Luật Xuất bản, các Điều 3 và 4 Nghị định này.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Văn hóa - Thông tin trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản

1. Bộ Văn hóa - Thông tin giúp Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản trên phạm vi cả nước có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm, văn bản quy phạm pháp luật, chính sách về hoạt động xuất bản.

b) Quản lý công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong hoạt động xuất bản, công tác đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về hoạt động xuất bản.

c) Quản lý hợp tác quốc tế trong hoạt động xuất bản.

d) Cấp, thu hồi giấy phép thành lập nhà xuất bản, giấy phép đặt văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam, giấy phép đặt văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm quy định tại các Điều 16, 24 và 43 Luật Xuất bản.

đ) Tạm đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản, văn phòng đại diện của nhà xuất bản nước ngoài tại Việt Nam, văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm; cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu hoặc tiêu hủy xuất bản phẩm vi phạm của nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

e) Tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động xuất bản; chỉ đạo và hướng dẫn việc tuyển chọn, trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao.

g) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về xuất bản; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.

2. Cục Xuất bản là cơ quan chức năng của Bộ Văn hóa - Thông tin có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Nhận và quản lý đăng ký kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản, đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu của cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm.

c) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin cấp, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh; giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài; giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm quy định tại các Điều 22, 23, 31, 34 và 42 Luật Xuất bản.

d) Tạm đình chỉ hoạt động in xuất bản phẩm hoặc đình chỉ việc in xuất bản phẩm đang in; tạm đình chỉ hoặc đình chỉ việc phát hành xuất bản phẩm; tạm đình chỉ hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; tạm đình chỉ việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài; tạm đình chỉ lưu hành xuất bản phẩm vi phạm pháp luật về xuất bản.

đ) Quản lý việc lưu chiếu xuất bản phẩm và tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiếu.

e) Thực hiện công tác kiểm tra, thi đua, khen thưởng trong hoạt động xuất bản.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tại địa phương

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản tại địa phương có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Xây dựng quy hoạch, quyết định kế hoạch phát triển các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm thuộc địa phương; xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động xuất bản.

b) Tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trong hoạt động xuất bản tại địa phương.

c) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.

d) Tạm đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm của trung ương tại địa phương; đình chỉ hành vi vi phạm pháp luật về xuất bản của chi nhánh, văn phòng đại diện nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm của trung ương và tổ chức, cá nhân khác tại địa phương; tạm đình chỉ việc kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm của cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm và báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin; đình chỉ việc phát hành xuất bản phẩm có nội dung vi phạm Luật Xuất bản của cơ sở phát hành xuất bản phẩm tại địa phương.

đ) Cấm lưu hành, thu hồi, tịch thu hoặc tiêu huỷ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật về xuất bản của nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản, cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm thuộc địa phương và báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin.

2. Sở Văn hoá - Thông tin là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp, thu hồi giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh, giấy phép triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương; giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm và giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in xuất bản phẩm thuộc địa phương quy định tại các Điều 22, 31, 34 và 42 Luật Xuất bản.

c) Quản lý việc lưu chiếu xuất bản phẩm và tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiếu do địa phương cấp phép.

d) Thực hiện thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về xuất bản; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản theo thẩm quyền.

đ) Tạm đình chỉ hoạt động in xuất bản phẩm hoặc đình chỉ việc in xuất bản phẩm đang in nếu phát hiện nội dung xuất bản phẩm vi phạm Điều 10 Luật Xuất bản và báo cáo Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; tạm đình chỉ việc tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân do địa phương cấp phép; tạm đình chỉ việc phát hành xuất bản phẩm có nội dung vi phạm Luật Xuất bản của cơ sở phát hành xuất bản phẩm tại địa phương.

e) Thực hiện việc tiêu huỷ xuất bản phẩm vi phạm pháp luật về xuất bản khi có quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 7. Quy hoạch phát triển các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm

Bộ Văn hoá - Thông tin có trách nhiệm:

1. Xây dựng quy hoạch phát triển các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm toàn quốc trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Căn cứ vào quy hoạch toàn quốc đã được phê duyệt, hướng dẫn việc xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm của bộ, ban, ngành, địa phương.

CHƯƠNG II LĨNH VỰC XUẤT BẢN

Điều 8. Tổ chức được thành lập nhà xuất bản

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và cấp tỉnh.

2. Tổ chức khác được thành lập nhà xuất bản bao gồm:

- a) Tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp ở Trung ương trực tiếp sáng tạo và công bố tác phẩm.
- b) Ngoài tổ chức được thành lập nhà xuất bản quy định tại điểm a khoản này, căn cứ yêu cầu cụ thể, điều kiện thành lập nhà xuất bản, quy hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản toàn quốc và từng ngành, từng địa phương, Bộ Văn hóa - Thông tin quyết định thành lập nhà xuất bản sau khi có ý kiến của Thủ tướng Chính phủ.

3. Việc thành lập nhà xuất bản phải phù hợp với quy hoạch phát triển sự nghiệp xuất bản toàn quốc.

Điều 9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản

1. Trước khi bổ nhiệm giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có hồ sơ gửi Bộ Văn hóa - Thông tin. Hồ sơ gồm:

- a) Văn bản đề nghị thoả thuận bổ nhiệm.
- b) Lý lịch trích ngang của nhân sự dự kiến bổ nhiệm.
- c) Bản sao có công chứng các văn bằng, chứng chỉ xác nhận trình độ quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Xuất bản.

2. Khi miễn nhiệm, cách chức giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản, cơ quan chủ quản phải có văn bản đề nghị thoả thuận gửi Bộ Văn hóa - Thông tin và thực hiện theo quy định pháp luật về cán bộ, công chức.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Văn hóa - Thông tin phải có văn bản trả lời cơ quan chủ quản nhà xuất bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản.

Điều 10. Đăng ký kế hoạch xuất bản

1. Nhà xuất bản phải đăng ký kế hoạch xuất bản với Cục Xuất bản trước khi xuất bản. Kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản và phải được cơ quan chủ quản nhà xuất bản xét duyệt trước khi đăng ký với Cục Xuất bản theo mẫu số 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kế hoạch xuất bản của nhà xuất bản, Cục Xuất bản xác nhận việc đăng ký kế hoạch xuất bản bằng văn bản. Việc ghi số đăng ký kế hoạch xuất bản trên xuất bản phẩm quy định tại Điều 26 Luật Xuất bản thực hiện theo mẫu số 2 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Sau khi đăng ký kế hoạch xuất bản, nhà xuất bản được thực hiện theo nội dung đã đăng ký.

Kế hoạch xuất bản đã đăng ký có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 của năm kế hoạch.

Điều 11. Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh

1. Tài liệu không kinh doanh mà không thực hiện qua nhà xuất bản phải xin phép xuất bản theo quy định tại Điều 22 và khoản 2 Điều 23 Luật Xuất bản bao gồm:

- a) Tài liệu tuyên truyền, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị, các ngày kỷ niệm lớn và các sự kiện trọng đại của đất nước.
- b) Tài liệu hướng dẫn học tập và thi hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của Nhà nước.
- c) Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, các biện pháp phòng chống thiên tai, dịch bệnh và bảo vệ môi trường.
- d) Kỷ yếu hội thảo.
- đ) Tài liệu của các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài.

2. Khi xuất bản tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan, tổ chức phải có đơn xin phép xuất bản gửi cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Xuất bản chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin cấp giấy phép xuất bản cho cơ quan, tổ chức ở trung ương, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế và doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam; Sở Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm

trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản cho cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương.

Điều 12. Nộp lưu chiều xuất bản phẩm

1. Việc nộp lưu chiều xuất bản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Xuất bản được thực hiện như sau:

a) Nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức ở trung ương được phép xuất bản nộp lưu chiều xuất bản phẩm lưu chiều cho Cục Xuất bản.

b) Cơ quan, tổ chức thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương được phép xuất bản nộp lưu chiều xuất bản phẩm lưu chiều cho Cục Xuất bản và Sở Văn hoá - Thông tin.

2. Khi nộp lưu chiều, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản phải đóng dấu "lưu chiều" và ký tên trên xuất bản phẩm.

Điều 13. Đọc xuất bản phẩm lưu chiều

1. Cục Xuất bản, Sở Văn hoá - Thông tin tổ chức đọc xuất bản phẩm lưu chiều và tổ chức đội ngũ công tác viên đọc xuất bản phẩm lưu chiều.

2. Khi phát hiện xuất bản phẩm lưu chiều vi phạm quy định của Luật Xuất bản thì phải xử lý theo quy định tại Điều 30 Luật Xuất bản.

Trường hợp phát hiện xuất bản phẩm lưu chiều có nội dung vi phạm quy định tại Điều 10 Luật Xuất bản thì việc xử lý được thực hiện như sau:

a) Cục Xuất bản, Sở Văn hoá - Thông tin có văn bản yêu cầu nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản chưa được phát hành hoặc tạm đình chỉ phát hành và tổ chức thẩm định nội dung.

b) Nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được phép xuất bản tổ chức thẩm định nội dung xuất bản phẩm lưu chiều và gửi biên bản về Cục Xuất bản hoặc Sở Văn hoá - Thông tin.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được biên bản thẩm định, Cục Xuất bản hoặc Sở Văn hoá - Thông tin xem xét, đề xuất việc quyết định phát hành hoặc áp dụng các hình thức xử lý theo quy định.

CHƯƠNG III LĨNH VỰC IN XUẤT BẢN PHẨM

Điều 14. Hoạt động in xuất bản phẩm và điều kiện cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

1. Hoạt động in xuất bản phẩm bao gồm chế bản, in và gia công sau in.

2. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 31 Luật Xuất bản cụ thể như sau:

a) Giám đốc hoặc chủ cơ sở in xuất bản phẩm phải có văn bằng do cơ sở đào tạo nghề in cấp hoặc chứng chỉ xác nhận đã được bồi dưỡng kiến thức quản lý về in do cơ sở đào tạo chuyên ngành văn hoá - thông tin cấp.

Bản sao có công chứng văn bằng hoặc chứng chỉ gửi kèm hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

b) Cơ sở in có dây chuyền thiết bị in và gia công sau in mới được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.

Điều 15. Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm

Cục Xuất bản chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép cho cơ sở in xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức ở trung ương; Sở Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho cơ sở in xuất bản phẩm của cơ quan, tổ chức thuộc địa phương.

Cơ sở in xuất bản phẩm muốn đặt chi nhánh tại các tỉnh, thành phố khác trực thuộc trung ương phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh chấp thuận bằng văn bản và phải đề nghị bổ sung giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm quy định tại Điều 31 Luật Xuất bản.

Điều 16. Điều kiện nhận in xuất bản phẩm

1. Khi nhận in xuất bản phẩm thì giấy phép xuất bản, giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài và quyết định xuất bản của giám đốc nhà xuất bản quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Xuất bản phải là bản gốc và

được lưu tại cơ sở nhận in xuất bản phẩm.

2. Khi nhận chế bản, in hoặc gia công sau in xuất bản phẩm, cơ sở in phải vào sổ theo dõi và quản lý hợp đồng nhận in.

Điều 17. In gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài

1. Cục Xuất bản chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in ở trung ương; Sở Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài đối với cơ sở in thuộc địa phương.

2. Nội dung xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài không trái với các quy định pháp luật có liên quan.

Bộ Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn chi tiết thực hiện quy định này.

3. Xuất bản phẩm in gia công cho nước ngoài không được tiêu thụ, phổ biến trên lãnh thổ Việt Nam.

CHƯƠNG IV LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

Điều 18. Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm

Việc đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu để kinh doanh (sau đây gọi tắt là danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu) quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Xuất bản được thực hiện như sau:

1. Khi nhập khẩu xuất bản phẩm, cơ sở nhập khẩu phải đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu với Cục Xuất bản theo mẫu số 3 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu, Cục Xuất bản xác nhận việc đăng ký bằng văn bản.

3. Sau khi đăng ký danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu, cơ sở nhập khẩu được thực hiện theo nội dung đã đăng ký.

Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu đã đăng ký có giá trị đến hết ngày 31 tháng 12 của năm kế hoạch.

4. Danh mục xuất bản phẩm nhập khẩu đã được Cục Xuất bản xác nhận là căn cứ để cơ sở nhập khẩu làm thủ tục hải quan.

Điều 19. Hoạt động triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm

1. Cục Xuất bản chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức ở trung ương, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế; Sở Văn hoá - Thông tin chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc địa phương, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc cơ quan, tổ chức của trung ương tại địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tổ chức triển lãm, hội chợ chịu trách nhiệm về nội dung xuất bản phẩm để triển lãm, hội chợ.

3. Việc trưng bày không kinh doanh các xuất bản phẩm nhằm giới thiệu hoạt động và sản phẩm của cơ quan, tổ chức Việt Nam thì không phải xin phép, nhưng trước khi trưng bày phải báo cáo bằng văn bản với cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại khoản 1 Điều này về thời gian, địa điểm, danh mục xuất bản phẩm và chịu trách nhiệm về nội dung xuất bản phẩm trưng bày.

Điều 20. Hoạt động của văn phòng đại diện tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm

1. Văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật Xuất bản được phép:

a) Giới thiệu về tổ chức và sản phẩm của mình.

b) Xúc tiến các giao dịch về hợp đồng, hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm; các giao dịch về phát hành xuất bản phẩm, về bản quyền và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm.

2. Văn phòng đại diện của tổ chức nước ngoài tại Việt Nam trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm không

được trực tiếp kinh doanh tại Việt Nam.

CHƯƠNG V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Cấp lại giấy phép trong hoạt động xuất bản

Nhà xuất bản, cơ sở in xuất bản phẩm và cơ sở kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm thành lập và hoạt động trước ngày 01 tháng 7 năm 2005 phải làm thủ tục xin cấp lại giấy phép.

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Nghị định số 79/CP ngày 06 tháng 11 năm 1993 của Chính phủ.

Điều 23. Trách nhiệm thi hành Nghị định

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.
2. Bộ trưởng Bộ Văn hoá - Thông tin hướng dẫn thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
(Đã ký)

Phan Văn Khải